

VAI TRÒ CỦA CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

VŨ THỊ KIM CÚC*

TÓM TẮT

Hải Phòng là một thành phố (TP) đông dân, lực lượng lao động đông đảo, chất lượng cao; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật khá hoàn thiện; thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng; đường lối chính sách phát triển nông nghiệp phù hợp... Đây là những nhân tố có vai trò quyết định trong việc xác định cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của TP Hải Phòng, tạo ra những sản phẩm có giá trị hàng hóa cao (rau quả, thủy sản, hoa, cây cảnh...)

Từ khóa: thành phố Hải Phòng, nhân tố kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế - nông nghiệp.

ABSTRACT

Socio-economic factors toward the changes of agrico-economic structure of Hai Phong City

Hai Phong is a populous city with skilled workforce; relatively perfect technical facilities and infrastructure; more and more open domestic and oversea markets; proper policies on agricultural development, etc. These factors play the critical role in determining the agrico-economic structure suitable with the real conditions of Hai Phong; producing highly valued goods such as vegetables, aquatic products, flowers, ornamental plants, etc.

Keywords: Hai Phong city, socio - economic factor, agrico- economic structure.

1. Đặt vấn đề

Hải Phòng là TP cảng, phía Bắc giáp Quảng Ninh, phía Tây Bắc giáp Hải Dương, Tây Nam giáp Thái Bình và phía Đông - Đông Nam giáp vịnh Bắc Bộ, nằm trong cực tăng trưởng kinh tế (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), có ảnh hưởng lớn tới các tỉnh đồng bằng Sông Hồng và cả nước. Tổng diện tích tự nhiên của TP Hải Phòng là 151 895 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm

89 811 ha (59,1%). Là một TP công nghiệp hiện đại - một trong những TP cảng lớn nhất cả nước, đô thị loại 1, trực thuộc trung ương, nhưng Hải Phòng vẫn còn một bộ phận lao động không nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản (31,5% - 2009). Lĩnh vực này đã đóng góp 10,5% GDP. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - lâm - thủy sản của TP còn bất hợp lý: nông nghiệp chiếm đến 76,9% giá trị sản xuất, trong khi thủy sản đầy thế mạnh lại chỉ chiếm 22,7%. Trồng trọt vẫn chiếm vị trí quan trọng nhất trong

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

nông nghiệp (55,7%), cây lúa ít có giá trị hàng hóa nhất lại chiếm tỉ trọng lớn nhất trong các loại cây trồng (48,5%)... Do vậy, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đối với Hải Phòng. Việc đánh giá được các điều kiện, nhất là những điều kiện kinh tế xã hội, sẽ là cơ sở quan trọng để xác định cơ cấu nông nghiệp phù hợp, thực sự đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.

Bài viết tập trung đánh giá tác động của một số nhân tố kinh tế xã hội như thị trường, khoa học công nghệ, vốn đầu tư, đường lối chính sách, cơ sở vật chất kỹ thuật,... đối với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp TP Hải Phòng.

2. Các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp TP Hải Phòng

2.1. Nhu cầu của thị trường

Việc tiến hành sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội sẽ làm thay đổi một số hoạt động sản xuất về phương hướng, chiến lược dẫn đến sự thay đổi cơ cấu. Nhất là khi nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa thì sự phản ứng của thị trường là nhân tố quan trọng tác động đến việc lựa chọn, phát triển các nông sản có giá trị hàng hóa cao, nhu cầu thị trường lớn và dần loại bỏ các sản phẩm có giá trị thương phẩm thấp. Những nhu cầu cụ thể của thị trường trong nước và thị trường nước ngoài giúp TP Hải Phòng xác định được

số lượng, chủng loại và chất lượng của sản phẩm nông nghiệp.

Nhu cầu thị trường trong nước: Bao gồm nhu cầu tiêu dùng của số lượng dân cư đông và nhu cầu của các cơ sở công nghiệp chế biến cả trong và ngoài TP.

Việt Nam là nước đông dân trong khu vực và trên thế giới. Đồng bằng sông Hồng lại là vùng kinh tế đông dân nhất nước ta, phần lớn các tỉnh thành của vùng, trong đó có Hải Phòng, nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc. Do vậy nhu cầu sản phẩm nông nghiệp rất lớn. Theo tính toán, tổng giá trị chi mua hàng lương thực – thực phẩm của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc vào năm 2020 sẽ vào khoảng 1 tỉ USD, nếu Hải Phòng chiếm được 15-20% thị phần này thì sẽ tăng thêm giá trị cho nông sản khoảng 120 triệu USD so với hiện nay. Những sản phẩm nông nghiệp của Hải Phòng được tiêu thụ ở thị trường trong nước và đồng bằng sông Hồng hiện nay là gạo, thịt lợn, rau (nhất là rau vụ đông), thuốc lá,... Những nông sản tiềm năng khác là hoa quả, thủy sản,... điều đó đòi hỏi nông nghiệp phải tích cực thay đổi cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển những sản phẩm yếu thế của TP (diện tích canh tác bị thu hẹp, nguồn thức ăn hạn chế, hiệu quả kinh tế thấp) cho những tỉnh khác trong vùng (lúa gạo,...) để chuyển sang những sản phẩm mà nhu cầu thị trường lớn, hiệu quả kinh tế cao hơn như thủy sản, rau sạch, hoa, các loại quả,...

Thị trường TP là một thị trường lớn và nhiều tiềm năng, bởi Hải Phòng là một TP đông dân, dân đô thị ngày một tăng.

Ngoài nhu cầu rất lớn về lương thực - thực phẩm, thì những nhu cầu về sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến, những sản phẩm mà các đô thị cần như hoa, rau sạch, cây cảnh, thịt gia súc, gia cầm, sữa, trứng... cũng ngày một nhiều. Điều đó đòi hỏi TP phải chuyển đổi hướng sản xuất nông nghiệp.

Nhu cầu của thị trường ngoài nước:

Thị trường ngày càng mở rộng tạo ra những cơ hội cho TP tăng quy mô sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm mới, khối lượng lớn và gắn với công nghiệp chế biến để xuất khẩu. Thị trường tiềm năng của Hải Phòng là các nước châu Á đông dân như Trung Quốc, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a và nhiều quốc gia châu Á khác (Sing-ga-po, Hàn Quốc,...). Ngoài ra còn nhiều thị trường lớn khác như EU, Bắc Mỹ,... Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Hải Phòng hiện nay là thủy sản (tôm, cá đông lạnh), thịt lợn, gạo.

Nhu cầu thị trường quốc tế lớn là một động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Hải Phòng hướng vào các ngành chăn nuôi, thủy sản. Những sản phẩm lợi thế khác của Hải Phòng chưa khai thác được để xuất khẩu như rau, đậu, cây gia vị,... được trồng vào vụ đông, hoa và cây ăn quả. Các mặt hàng nông sản giá cả thường không ổn định, nên để xâm nhập được các thị trường quốc tế, Hải Phòng phải chú ý cải tiến kỹ thuật canh tác, cải tiến giống cây trồng, vật nuôi hướng vào việc thỏa mãn thị hiếu tiêu dùng và sử dụng công nghệ mới trong chế biến.

Tuy nhiên, thị trường có những mặt trái của nó. Nếu TP không xác định được đúng lượng nhu cầu, loại nhu cầu và chất lượng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước thì sẽ khó có thể điều chỉnh được hướng sản xuất nông nghiệp sao cho có hiệu quả nhất. Mặt khác, thị trường còn đặt các sản phẩm nông nghiệp vào thế cạnh tranh khốc liệt với những sản phẩm cùng loại.

2.2. Sự phát triển của khoa học công nghệ

Sự phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ là đòn bẩy cho sự phát triển nông nghiệp, giúp con người khắc phục được những hạn chế của tự nhiên, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt. Việc đẩy mạnh tốc độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ làm tăng năng suất lao động nông nghiệp, cho phép chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp, cơ cấu nghề nghiệp của người lao động, theo hướng giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỉ lệ lao động công nghiệp, dịch vụ.

Trong những năm gần đây, TP Hải Phòng đã hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện 54 nhiệm vụ khoa học công nghệ (KH-CN) trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản. Nội dung nghiên cứu tập trung vào việc: lai tạo, tuyển chọn giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản mới có năng suất cao, chất lượng tốt; nghiên cứu các biện pháp thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp; xây dựng quy

trình nuôi một số đối tượng thủy sản phù hợp với điều kiện sinh thái của Hải Phòng; phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái; đề xuất giải pháp ứng dụng KHCN để nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...

Việc thực hiện các đề tài nghiên cứu KHCN, các đơn vị thuộc ngành đã xây dựng hoàn thiện được một số quy trình kỹ thuật và mô hình ứng dụng KHCN có hiệu quả như: sản xuất giống khoai tây, hoa chất lượng cao bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật; sản xuất giống cá rô phi đơn tính bằng phương pháp lai xa; trồng các loại rau, hoa theo hướng ứng dụng công nghệ cao; phục hồi và làm giàu rừng phòng hộ đồi núi; mô hình hợp tác xã kiểu mới chuyên chăn nuôi lợn; nghiên cứu chọn tạo được một số tổ hợp gà ri lai cải tiến và tổ hợp lợn lai (3/4 và 7/8 máu ngoại); hàng năm tiến hành khảo nghiệm, tuyển chọn được từ 10-15 giống lúa, 5-6 giống rau màu, cây ăn quả có năng suất, chất lượng tốt để thay thế các giống cũ đã thoái hóa, kém chất lượng...

2.3. *Vốn đầu tư*

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nguồn vốn đầu tư đóng vai trò quan trọng để thay đổi giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, hiện đại hóa công cụ lao động, hệ thống thủy lợi, áp dụng các quy trình kỹ thuật sản xuất mới, mở rộng quy mô diện tích cũng như trình độ sản xuất.

Vốn đầu tư cho nông nghiệp của Hải Phòng năm 2009 là 1266,4 tỉ đồng (chiếm 4,62% số vốn đầu tư của TP), trong đó cho đầu tư xây dựng cơ bản là 706,1 tỉ đồng (chiếm 55,8% tổng số vốn đầu tư cho nông nghiệp và chiếm 3,68% số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản của toàn TP). Ngoài ra, nguồn vốn đầu tư còn dùng để thay đổi giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, hiện đại hóa công cụ lao động, hệ thống thủy lợi, áp dụng các quy trình kỹ thuật sản xuất mới, mở rộng quy mô diện tích cũng như trình độ sản xuất. Tính từ năm 2007–2009, Hải Phòng đã đầu tư 169,42 tỉ đồng để thực hiện tu bổ đê, gia cố mặt đê, xây cống, làm kè, làm đường công vụ phòng chống lụt bão... Các dự án cho phát triển thủy sản cũng cần nguồn vốn lớn: Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cát Bà, ngân sách đầu tư 113 tỉ đồng; Dự án Trung tâm dịch vụ hậu cần thủy sản Trân Châu (đảo Cát Bà) với ngân sách đầu tư 133,9 tỉ đồng; Dự án chuyển đổi 160 ha đất sản xuất nông nghiệp sang nuôi trồng thủy sản xã Trân Dương, ngân sách đầu tư 6,46 tỉ đồng,...

Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp của Hải Phòng còn chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu đầu tư của TP và tốc độ tăng chậm. Nhiều năm tới, muốn chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, TP cần tạo điều kiện tăng nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp từ nhiều nguồn khác nhau.

2.4. *Đường lối chính sách nông nghiệp*

Đường lối chính sách có ý nghĩa thúc đẩy hay kìm hãm đối với quá trình

phát triển kinh tế xã hội nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng. Việc xác định “coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa” của Đại hội Đảng lần thứ V (1982) và thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn “luơng thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu” của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986); Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (1981 - khóa IV) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (1988 - khóa VI) giao khoán ruộng đất cho nông dân và Luật Đất đai (1993) xác định quyền sử dụng đất lâu dài, được chuyển đổi, thuê hay cho thuê đất,... đã kích thích sự thay đổi để hình thành nên cơ cấu nông nghiệp phù hợp cả về phương diện ngành, lãnh thổ lẫn thành phần kinh tế. Hải Phòng đang tích cực triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Chủ trương dồn điền đổi thửa đã tạo cơ hội hình thành nên những lãnh thổ sản xuất rộng lớn hơn, là tiền đề cho việc xây dựng mô hình sản xuất mới (trang trại, tiểu vùng sản xuất nông nghiệp với những sản phẩm chuyên môn hóa - rau, hoa, cây ăn quả, thủy sản,...) và sử dụng máy móc nông nghiệp hiện đại, sản xuất với quy mô lớn.

2.5. Hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật

2.5.1. Cơ sở hạ tầng

2.5.1.1. Mạng lưới giao thông vận tải

Là một trong những đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, Hải Phòng có đầy đủ các loại hình giao thông, từ đường bộ, đường thủy đến đường hàng không. Đường ô tô bao gồm các tuyến quốc lộ 5, 10; 8 tuyến tỉnh lộ, 36 tuyến liên huyện, hệ thống đường nội thị và hàng trăm tuyến đường liên xã, liên thôn dài hơn 2000km... tạo điều kiện trao đổi hàng hóa nông nghiệp giữa các địa phương, hình thành cầu nối giữa các tiểu vùng nông nghiệp ven đô và với TP, với các cơ sở công nghiệp chế biến. Ngoài ra, còn có tuyến đường sắt Hải Phòng - cầu nối giữa TP cảng với thủ đô, dài khoảng 100km, có 12-18 chuyến/ngày, năng lực vận tải khoảng 850 000-900 000 tấn/năm; đường sông của Hải Phòng dài 417km là cửa ngõ ra biển của các tỉnh phía Bắc, Hải Phòng có hệ thống cảng biển khá hiện đại, với tổng chiều dài cầu cảng là 2366m,... Hải Phòng có thể trao đổi các hàng hóa nông nghiệp lợi thế của mình như thủy sản, rau vụ đông... để lấy những sản phẩm ít có hiệu quả kinh tế (lúa gạo,...) của địa phương khác, kích thích nông nghiệp Hải Phòng phát triển hướng chuyên môn hóa một số sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao, hình thành nên các tiểu vùng nông nghiệp trong toàn TP thay cho nền nông nghiệp tự túc trước đây do thiếu điều kiện trao đổi sản phẩm.

2.5.1.2. Hệ thống cung cấp điện

Nguồn điện của TP được cung cấp từ mạng lưới điện quốc gia, qua các trạm biến áp 220/110KV. Gần đây, Hải Phòng đang tiến hành xây dựng nhà máy nhiệt điện, công suất thiết kế 600MW. Hiện

nay, 100% hộ dân của TP được sử dụng điện để phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Đây là điều kiện giúp nông nghiệp TP được cơ giới hóa, thủy lợi hóa, sản xuất với quy mô lớn hơn; tạo môi trường tốt, phù hợp với cây trồng, vật nuôi, giúp thu hoạch đúng thời điểm (hoa, rau sạch, chăn nuôi gia cầm...); sản phẩm nông nghiệp có thể sơ chế, chế biến tại chỗ hoặc được bảo quản, giúp đảm bảo chất lượng, tăng giá trị của sản phẩm; thúc đẩy sự chuyển dịch hướng sản xuất và cơ cấu ngành nông nghiệp; từ một nền nông nghiệp quy mô nhỏ, thủ công, tự túc, cơ cấu sản phẩm đơn giản chuyển sang một nền nông nghiệp quy mô lớn, hiện đại, sản phẩm đa dạng, có thể sản xuất đến khâu cuối cùng.

2.5.1.3. Hệ thống thông tin liên lạc

Số máy điện thoại trung bình (trên 100 dân) liên tục tăng lên từ đầu những năm 2000 đến nay: 12,3 (2003), 18 (2005) và 29,9 máy/100 dân (2009). Ngoài ra các hình thức thông tin liên lạc khác cũng phát triển: báo chí, truyền hình, internet,... giúp người nông dân nắm bắt được những thông tin về thị trường, đường lối chính sách của nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn, chủ động điều chỉnh hướng và quy mô sản xuất cho phù hợp.

2.5.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

2.5.2.1. Hệ thống thủy lợi

Hiện nay hệ thống thủy lợi của TP đã được đầu tư xây dựng cơ bản với 1361 công trình. Trong số này có 3 hồ chứa nước (có diện tích 8086ha, chiếm 5% diện tích TP), 392 cống, 668 trạm bơm

các loại, 229 kênh dẫn tạo nguồn, 69 đập dâng, 322km đê ngăn mặn, 152km đê chống bão lũ. Hệ thống kênh mương nội đồng đã được kiên cố hóa 460km (chiếm 63,4%) và được nạo vét thường xuyên.

Hệ thống thủy lợi của TP góp phần quan trọng cho việc đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa sản xuất, mở rộng diện tích canh tác cũng như việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, hệ thống đê ngăn mặn và chống bão lũ được xây dựng giúp mở rộng diện tích mặt nước và bảo vệ hoạt động nuôi trồng thủy sản, góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp hướng vào việc phát huy vai trò của ngành thủy sản.

2.5.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật khác

Hiện nay, toàn TP đã có 2250 máy kéo các loại với tổng công suất là 24500CV phục vụ cơ giới hóa khâu làm đất, 3263 máy tuốt lúa liên hoàn, 3300 tổ hợp máy để xay xát, 3350 phương tiện vận chuyển hàng hóa phục vụ nông nghiệp - nông thôn; 709 trạm bơm điện với tổng công suất máy bơm 24 262KW, 18 kho lạnh dung tích 2000m³ bảo quản trên 700 tấn giống cây trồng các loại, 35 máy sấy nông sản (trong đó có 32 chiếc loại 0,3tấn/mẻ, 3 chiếc loại 4tấn/mẻ); có 3105 tàu thuyền đánh bắt cá, tổng công suất 91 410CV, trong đó số tàu thuyền đánh bắt xa bờ là 806 tàu; có 18 cơ sở sản xuất giống thủy sản, 100% cơ sở có điều kiện vệ sinh thú y sản xuất tốt.

Việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đã đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, tự động hóa, làm tăng năng suất, tiết kiệm thời gian lao động nông nghiệp. Điều đó

sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Hải Phòng theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, chuyển nền nông nghiệp từ cung cấp các sản phẩm thô sang cung cấp các sản phẩm qua chế biến.

2.6. Đô thị hóa

Quá trình đô thị hóa ở Hải Phòng diễn ra ngày càng nhanh, song vẫn còn chậm hơn so với những TP lớn của nước ta. Giai đoạn từ 1985-2007, mức độ tăng tỉ lệ đô thị hóa của Hải Phòng đạt 14,49% (so với Hà Nội là 28,02% và TP Hồ Chí Minh là 15,17%). Tuy vậy, số dân nông thôn chuyển vào đô thị ngày càng tăng nên tỉ lệ dân đô thị cũng tăng lên. Năm 1995, dân số đô thị là 530 000 người (33%), năm 2009 là 849 000 người (46,1%).

Tỉ trọng dân đô thị tăng, nhất là ở các đô thị mới (tăng 20,72%) - vốn là những vùng sản xuất nông nghiệp, làm thay đổi diện tích đất nông nghiệp và các nhu cầu của dân cư TP, đòi hỏi sự thay đổi cơ cấu sử dụng lao động theo ngành và lãnh thổ... Vì thế, một cơ cấu nông nghiệp đa dạng với những vành đai trồng trọt, chăn nuôi ven TP hướng vào những sản phẩm có tính hàng hóa cao, có thể vừa thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của dân TP, lại vừa tạo ra hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện tích canh tác.

Là đô thị loại 1, vai trò của TP Hải Phòng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc nói riêng, và với nền kinh tế cả nước nói chung ngày càng tăng. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế của TP sẽ ảnh hưởng

không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng cũng như cả nước. Điều đó buộc Hải Phòng phải xác định cho được cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đẩy mạnh sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp. Sự phát triển của các ngành kinh tế này sẽ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung, đồng thời thúc đẩy sự chuyển dịch của bản thân ngành nông nghiệp, hướng nông nghiệp vào sản xuất hàng hóa, phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp của đô thị Hải Phòng cũng như các đô thị khác trong vùng.

2.7. Sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ

Năm 2009, Hải Phòng có 13 063 cơ sở công nghiệp, trong đó, khu vực ngoài nhà nước chiếm đa số với 12 869 cơ sở (98,5%). Ở đây, chủ yếu là các cơ sở công nghiệp nhỏ (11 909 cơ sở, chiếm 92,5% tổng số cơ sở công nghiệp ngoài nhà nước) và tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến và công nghiệp nhẹ. Các ngành công nghiệp này sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp, như: công nghiệp thực phẩm, đồ uống, da giày, dệt may, gỗ... Ngoài ra, trên địa bàn TP còn có trên 30 làng nghề với 11 loại hình nghề, thu hút 10 700 hộ và 66 cơ sở tham gia sản xuất. Sự phát triển của công nghiệp chế biến và hệ thống các làng nghề đã tạo nên động lực to lớn cho nông nghiệp Hải Phòng phát triển với một cơ cấu đa dạng, hình thành nên những vùng chuyên môn hóa với quy mô lớn.

Sự phát triển của ngành dịch vụ TP (giao thông vận tải, thương mại, du

lịch,...) đã đòi hỏi nông nghiệp sản xuất khối lượng sản phẩm lớn hơn, chủng loại đa dạng hơn, chất lượng cao hơn, đồng thời đẩy mạnh sự trao đổi nông sản Hải Phòng với các thị trường trong vùng, toàn quốc và nước ngoài.

2.8. Dân số, nguồn lao động

Dân số Hải Phòng cuối năm 2009 là 1 841 650 người, chiếm khoảng 2% dân số cả nước và 9,4% dân số đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 9 trong số 63 tỉnh, TP của cả nước. Dân số đông tạo nên động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp để thỏa mãn nhu cầu việc làm và sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, do dân số đông, lại phải đáp ứng nhu cầu lương thực lớn cũng đang là một trong những lí do làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

Nguồn lao động: Tổng số lao động năm 2009 của Hải Phòng là 1 453 433 người, trong đó có 1 011 392 người hoạt động kinh tế với 975 057 người có việc làm. Lao động làm trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản chiếm tới 37%... đây vừa là một điều kiện, vừa là yếu tố bắt buộc Hải Phòng phải chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp để thỏa mãn việc làm cho lao động nông nghiệp; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi để tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao, đa dạng... vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, vừa cung cấp nguyên liệu cho phát triển công nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm

hàng hóa, tăng hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống của nông dân.

Tỉ lệ lao động qua đào tạo của Hải Phòng liên tục tăng, từ 39% (2005) lên 45% (2008), chỉ đứng sau Hà Nội. Mỗi năm có khoảng 17,5 ngàn lao động được đào tạo. Việc nâng cao chất lượng nguồn lao động sẽ giúp cho người lao động dễ dàng chuyển hướng sản xuất nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển nông nghiệp với quy mô ngày càng lớn, chất lượng sản phẩm và năng suất lao động ngày càng cao.

3. Kết luận

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là xu hướng tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của TP Hải Phòng. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng cao. Cơ chế chính sách nông nghiệp liên tục được đổi mới. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng ngày càng tăng. Dân số đông, tỉ lệ dân thành thị ngày càng cao, lực lượng lao động đông đảo, chất lượng cao,... là những nhân tố tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của TP, giúp Hải Phòng xác định cơ cấu nông nghiệp đa dạng với những sản phẩm mang tính hàng hóa cao: hoa, rau sạch, cây cảnh, thịt gia súc, gia cầm, sữa, trứng... với quy mô ngày càng lớn, chất lượng ngày càng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2003), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch chuyển đổi cơ cấu nông - lâm nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng*.
2. Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng (2001), *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2000*.
3. Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng (2009), *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2008*.
4. Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng (2010), “Hải Phòng 55 năm xây dựng và phát triển (1955-2010)”, Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Đặng Văn Phan (2008), *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp Việt Nam*, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng (2005), *Báo cáo hoạt động khuyến nông 5 năm qua đã góp phần quan trọng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng*.
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng (2010), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2010)*.
8. Tổng cục Thống kê - Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng (2007) - *Kinh tế xã hội nông nghiệp nông thôn Thành phố Hải Phòng - Đổi mới, hội nhập và phát triển*.
9. UBND Thành phố Hải Phòng (2006), *Báo cáo tổng hợp: rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-4-2011; ngày chấp nhận đăng: 24-11-2011)